
**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN**

Tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ	4
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị	5
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị	5
Điều 5. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	6
Điều 6. Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm, Thay Thế Và Bổ Sung Thành Viên Hội Đồng Quản Trị	7
Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị	7
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị	8
Điều 9. Chấp Thuận Hợp Đồng, Giao Dịch Giữa Công Ty Với Người Có Liên Quan	9
Điều 10. Các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị	10
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 11. Cuộc Họp Hội Đồng Quản Trị	10
Điều 12. Biên Bản Họp Hội Đồng Quản Trị	12
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 13. Trình báo cáo hằng năm.....	13
Điều 14. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị	13
Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị	14
Điều 17. Mối quan hệ với Tổng Giám Đốc	15
Điều 18. Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát.....	15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	15
Điều 19. Hiệu lực thi hành.....	15

Seal

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn và các thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn nhằm hoạt động theo quy định pháp luật và Điều Lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn này được áp dụng cho Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn, các thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn và các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 2.1. “**Luật Doanh Nghiệp**”: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).
- 2.2. “**Luật Chứng Khoán**”: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).
- 2.3. “**Điều Lệ**”: là Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).
- 2.4. “**Quy Chế**”: là Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).
- 2.5. “**Công Ty**”: là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn .
- 2.6. “**Đại Hội Đồng Cổ Đông**”: là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty.
- 2.7. “**Hội Đồng Quản Trị**”: là Hội đồng quản trị của Công Ty.
- 2.8. “**Tổng Giám Đốc**”: là Tổng giám đốc của Công Ty.
- 2.9. “**Ban Kiểm Soát**”: là Ban kiểm soát của Công Ty.
- 2.10. “**Người Đại Diện Theo Pháp Luật**”: là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 2.11. “**Người Điều Hành Công Ty**”: là người điều hành của Công Ty, bao gồm: Tổng Giám Đốc, Phó tổng giám đốc của Công Ty (nếu có) và Kế toán trưởng của Công Ty.
- 2.12. “**Người Quản Lý Công Ty**”: là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc.
- 2.13. “**Người Có Liên Quan**”: là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.
- 2.14. “**Cổ Đông**”: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của Công Ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

- 3.1. Hội Đồng Quản Trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với sự phát triển của Công Ty, trừ trường hợp được miễn trừ trách nhiệm theo quy định pháp luật và/hoặc Điều Lệ.
- 3.2. Trong từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có quyền ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng giám đốc (nếu có) và/hoặc các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị khác quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình và/hoặc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 4.1. Hội Đồng Quản Trị có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành và thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị cụ thể sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.
- 4.2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
- 4.3. Nếu tại thời điểm Hội Đồng Quản Trị kết thúc nhiệm kỳ mà Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 4.4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.
 - c. Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên quá 05 công ty khác (trừ trường hợp điểm d khoản 4.4 Điều này).
 - d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được là thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, người hành nghề quản lý quỹ của một công ty quản lý quỹ khác hoặc thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cung

jeac

cấp dịch vụ cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty đang quản lý.

e. Điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

4.5. Trong trường hợp theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền Công Ty bắt buộc phải có thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4.4 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

4.6. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội Đồng Quản Trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 5. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

5.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

5.2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

- 5.3. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 6.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Điều Lệ;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.
- 6.2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị đó không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 6.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 6.1 và khoản 6.2 Điều này.
- 6.4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ thành viên độc lập theo quy định.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 7.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.
- 7.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công Ty quy định.

scas

- 7.3. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin trong trường hợp này được thực hiện theo các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

- 8.1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 8.2. Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điểm a, b khoản 19.2 Điều 19 của Điều lệ;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý và hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại khoản 50.3 Điều 50 Điều Lệ);
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.
- 8.3. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công Ty quy định. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.
- 8.4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội Đồng Quản Trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều lệ Công Ty gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 9. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan

- 9.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan sau đây:
- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;
 - b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Có Liên Quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại khoản 47.2 Điều 47 Điều Lệ;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 9.2. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 9.1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo khoản 9.3 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ Công Ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
- 

- 9.3. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:
- Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 9.2 Điều này;
 - Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của cổ đông đó.
- 9.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 9.3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội Đồng Quản Trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 35.1 và khoản 35.4 Điều 35 Điều Lệ.
- 9.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
- 9.6. Công Ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị

- 10.1. Hội Đồng Quản Trị, căn cứ tình hình thực tế, có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
- 10.2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Các nghị quyết, quyết định của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị

- 11.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 11.2. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

- 11.3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
- Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;
 - Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - Trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.
- 11.4. Đề nghị quy định tại khoản 11.3 Điều này được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.
- 11.5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 11.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 11.6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.
- 11.7. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 11.8. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.
- 11.9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11.11 Điều này.
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công Ty.

jeag

- 11.10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 11.11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.
- 11.12. Trừ trường hợp Điều lệ Công Ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Điều 12. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị

- 12.1. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 12.2 Điều này.
- 12.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g và điểm h khoản 12.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
- 12.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
- 12.4. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công Ty.
- 12.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 13. Trình báo cáo hằng năm

- 13.1. Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo sau đây:
- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát.
- 13.2. Các báo cáo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 13.1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
- 13.3. Các báo cáo quy định tại Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là 01 (một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Cổ Đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 14. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 14.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 14.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 14.3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và Người Có Liên Quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 15.1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người Có Liên Quan của Công Ty theo quy định pháp luật và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.
- 15.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

jean

- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% Vốn Điều Lệ.
- 15.3. Việc kê khai quy định tại khoản 15.2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 15.4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 15.1 và khoản 15.2 Điều này được thực hiện như sau:
- a. Công Ty phải thông báo danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công Ty;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
 - d. Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục và sao chép danh sách Người Có Liên Quan của Công Ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.
- 15.5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 16.1. Quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- 16.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội Đồng Quản Trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp với các thành viên Hội Đồng Quản Trị khác để xử lý nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội Đồng Quản Trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị có ý kiến khác nhau thì

thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy Chế này.

- 16.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về việc bàn giao đó.

Điều 17. Mối quan hệ với Tổng Giám Đốc

- 17.1. Với vai trò quản trị, Hội Đồng Quản Trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng Giám Đốc và bộ máy điều hành thực hiện; đồng thời, Hội Đồng Quản Trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định nêu trên.
- 17.2. Trong từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Quản Trị quyết định ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc (nếu có) quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 18. Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát

- 18.1. Mối quan hệ giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập; đồng thời, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 18.2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

- 19.1. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy Chế này do Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, thông qua.
- 19.2. Trường hợp Quy Chế này không có quy định hoặc có quy định khác so với quy định pháp luật có liên quan thì áp dụng quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp Quy Chế này không có quy định hoặc có quy định khác so với quy định tại Điều Lệ thì áp dụng quy định tại Điều Lệ.
- 19.3. Quy Chế này bao gồm 07 (bảy) chương, 19 (mười chín) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân



